

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2019

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST – HNGĐ ngày 06/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974.

Trú tại: Số Q đường T, Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương T1, sinh năm 1971.

Trú tại: Số Q đường T, Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày đề ngày 10/7/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Trương T1 đăng ký kết hôn vào năm 1998, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên đến đầu năm 2019 bà T và ông T1 đã tiến hành ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cư Jút. Sau đó bà T có cho ông T1 cơ hội để sửa chữa và cả hai đã quay lại chung sống với nhau đến ngày 19/4/2019 bà T, ông T1 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Bà T và ông T1 lấy nhau và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống gia đình giữa bà T và anh T1 sau khi kết hôn

lại vẫn không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung hay xảy ra mâu thuẫn, bạo hành gia đình; ông T1 thường xuyên đe dọa và khủng bố tinh thần của bà T. Nhận thấy không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trương T1.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Phạm Thị T và ông Trương T1 có 01 con chung là Trương Quang T2, sinh ngày 07/02/1999. Hiện nay con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về phiên hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Trương T1 vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về phiên hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương T1. Ông T1 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Số Q đường T, Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ông T1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T khai nhận bà và ông Trương T1 đăng ký kết hôn vào năm 1998, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên đến đầu năm 2019 bà T và ông T1 đã tiến hành ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cư Jút. Sau đó bà T có cho ông T1 cơ hội để sửa chữa và cả hai đã quay lại chung sống với nhau đến ngày 19/4/2019 bà T, ông T1 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, việc lấy nhau và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống gia đình giữa bà T và T1 sau khi kết hôn lại vẫn không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung hay xảy ra mâu thuẫn, bạo hành gia đình; ông T1 thường xuyên đe dọa và khủng bố tinh thần của bà T.

Qua kết quả xác minh tại Chi hội phụ nữ tổ dân phố B, thị trấn E cho thấy đầu năm 2019 bà T và ông T1 đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó có hàn gắn để quay lại tiếp tục chung sống nhưng giữa ông T1 và bà T có nhiều mâu thuẫn không thể chung sống với nhau được nên ông, bà hiện đã sống ly thân được khoảng 02 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông T1 đã không còn tình cảm với nhau, đang sống ly thân và không có ý định đoàn tụ gia đình; mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Trương T1.

- Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Trương T1 có 01 con chung là Trương Quang T2, sinh ngày 07/02/1999. Hiện cháu Trương Quang T2 đã trên 18 tuổi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trương T1 (Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002439 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND TT. E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

LỘC THỊ VINH